

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
- Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (Mẫu số B01a – CTQ)	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ (Mẫu số B02a – CTQ)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (Mẫu số B03a – CTQ)	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ (Mẫu số B05 – CTQ)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (Mẫu số B09a – CTQ)	11 - 35

10/10  
A/12/11

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

<b>Giấy phép thành lập và hoạt động</b>	Số 15/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép thành lập và hoạt động thay đổi gần nhất số Số 32/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 27 tháng 5 năm 2021.	
<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</b>	Số 4103005793 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ nhất) số 0304756863 được cấp ngày 13 tháng 10 năm 2022.	
<b>Hội đồng Quản trị</b>	Bà Nguyễn Thanh Thảo Ông Jonathan Charles Eames Ông Trần Vinh Quang	Chủ tịch Thành viên Thành viên
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
<b>Tổng Giám đốc</b>	Ông Trần Vinh Quang	
<b>Hoạt động chính</b>	Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.	
<b>Trụ sở chính</b>	Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	
<b>Công ty Kiểm toán</b>	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

### BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

#### Trách nhiệm của Tổng Giám Đốc Công ty đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Tổng Giám Đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Giám Đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giá định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Tổng Giám Đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày từ Thuyết minh 2 đến Thuyết minh 4 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tổng Giám Đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho Ông Tô Quốc Tuấn - Giám đốc Tài chính và Kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (Công ty mẹ) để phê chuẩn và ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền ngày 19 tháng 7 năm 2023.

#### Phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm từ trang 5 đến trang 35. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ của Công ty và các công ty con.



Tô Quốc Tuấn

Giám đốc Tài chính và Kế toán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (Công ty mẹ)  
Chữ ký được ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 14 tháng 8 năm 2023



## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 6 năm 2023, và được Tổng Giám Đốc của Công ty phê chuẩn ngày 14 tháng 8 năm 2023. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 35.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám Đốc**

Tổng Giám Đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám Đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã lần lượt được soát xét và kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác mà báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ của họ đề ngày 12 tháng 8 năm 2022 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần và báo cáo kiểm toán độc lập của họ đề ngày 29 tháng 3 năm 2023 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0849-2023-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM14168  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>89.733.239.747</b>	<b>87.538.557.580</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	5.1	<b>9.160.583.134</b>	<b>6.182.589.914</b>
111	Tiền		2.160.583.134	2.182.589.914
112	Các khoản tương đương tiền		7.000.000.000	4.000.000.000
<b>120</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>70.546.781.320</b>	<b>70.133.081.320</b>
121	Đầu tư ngắn hạn	5.2(a)	70.546.781.320	70.546.781.320
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	5.2(a)	-	(413.700.000)
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>9.979.489.751</b>	<b>11.144.681.114</b>
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.3	253.627.500	31.927.500
134	Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5.4	9.720.867.262	11.109.074.162
135	Phải thu ngắn hạn khác		4.994.989	3.679.452
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>46.385.542</b>	<b>78.205.232</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		46.385.542	78.205.232
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>166.816.035.711</b>	<b>166.176.979.183</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>31.822.748</b>	<b>42.548.912</b>
221	Tài sản cố định hữu hình		31.822.748	42.548.912
222	Nguyên giá		64.357.000	64.357.000
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(32.534.252)	(21.808.088)
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>166.575.000.000</b>	<b>165.872.850.000</b>
251	Đầu tư vào công ty con	5.2(b)	166.575.000.000	164.800.000.000
258	Đầu tư dài hạn khác		-	1.072.850.000
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>209.212.963</b>	<b>261.580.271</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn		171.733.456	228.433.544
268	Tài sản dài hạn khác		37.479.507	33.146.727
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>256.549.275.458</b>	<b>253.715.536.763</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>7.181.200.624</b>	<b>9.360.036.803</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>7.181.200.624</b>	<b>9.360.036.803</b>
312	Phải trả người bán ngắn hạn		-	9.000.000
313	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	858.280.000
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.5	642.014.431	2.736.589.610
315	Phải trả người lao động	5.6	782.425.000	-
316	Chi phí phải trả ngắn hạn		70.000.000	85.000.000
319	Phải trả ngắn hạn khác		15.594.000	-
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.671.167.193	5.671.167.193
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>249.368.074.834</b>	<b>244.355.499.960</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>249.368.074.834</b>	<b>244.355.499.960</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	5.7, 5.8	125.000.000.000	125.000.000.000
418	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5.8	1.755.891.311	1.755.891.311
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.8	1.755.891.311	1.755.891.311
420	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	5.8	120.856.292.212	115.843.717.338
420a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		115.843.717.338	95.812.684.889
420b	- LNST chưa phân phối của kỳ/năm nay		5.012.574.874	20.031.032.449
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>256.549.275.458</b>	<b>253.715.536.763</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thuyết minh	Tại ngày	
				30.6.2023	31.12.2022 (Trình bày lại)
<b>006</b>	<b>Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ</b> <i>Trong đó</i>				
007	Chứng khoán giao dịch	VND	5.2	33.810.000.000	33.810.000.000
<b>030</b>	<b>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác</b>				
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	VND		144.071.278.980	200.628.755.272
032	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	VND		3.243.141	3.936.463
<b>040</b>	<b>Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác</b>				
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	VND	5.9(a)	7.864.211.372.333	6.780.846.832.004
042	Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	VND	5.9(a)	2.996.214.035	2.996.214.035
<b>050</b>	<b>Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>VND</b>	<b>5.9(b)</b>	<b>229.638.015.603</b>	<b>234.616.445.441</b>
<b>051</b>	<b>Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>VND</b>	<b>5.9(c)</b>	<b>31.410.822.315</b>	<b>18.128.063.216</b>



Phạm Uyên Vy  
Người lập



Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng



Tô Quốc Tuấn  
Giám đốc Tài chính và Kế toán  
(Công ty mẹ)  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 14 tháng 8 năm 2023

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
			30.6.2023 VND	30.6.2022 VND
01	Doanh thu về hoạt động kinh doanh	5.10	11.197.992.820	14.469.523.791
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		11.197.992.820	14.469.523.791
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	5.11	(5.571.663.461)	(5.667.022.571)
20	Lợi nhuận gộp về hoạt động kinh doanh		5.626.329.359	8.802.501.220
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.12	1.297.239.347	12.208.022.342
22	Chi phí tài chính	5.13	413.700.000	(969.934.317)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.14	(1.074.353.289)	(1.072.930.896)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.262.915.417	18.967.658.349
31	Thu nhập khác		17.803.174	-
32	Chi phí khác		-	(6.691)
40	Lợi nhuận/(lỗ) thuần khác		17.803.174	(6.691)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.280.718.591	18.967.651.658
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") - hiện hành	5.15	(1.268.143.717)	(3.797.510.331)
52	Chi phí thuế TNDN - hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		5.012.574.874	15.170.141.327



Phạm Uyên Vy  
Người lập



Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng



Tô Quốc Tuấn  
Giám đốc Tài chính và Kế toán  
(Công ty mẹ)  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 14 tháng 8 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
			30.6.2023 VND	30.6.2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		6.280.718.591	18.967.651.658
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		10.726.164	7.494.461
03	Các khoản dự phòng		(413.700.000)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.297.239.347)	(11.238.088.025)
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>		<b>4.580.505.408</b>	<b>7.737.058.094</b>
09	Giảm các khoản phải thu		1.160.858.583	71.210.894.962
11	Giảm các khoản phải trả		(434.246.784)	(6.468.088.051)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		88.519.778	(88.514.177)
14	Thuế TNDN đã nộp	5.5	(3.012.733.112)	(21.594.250.593)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>2.382.903.873</b>	<b>50.797.100.235</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ		-	(33.560.000)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con		(1.775.000.000)	(138.808.487.200)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.072.850.000	70.845.429.997
27	Thu lãi tiền gửi		1.297.239.347	12.208.022.342
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>595.089.347</b>	<b>(55.788.594.861)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>2.977.993.220</b>	<b>(4.991.494.626)</b>
60	Tiền đầu kỳ	5.1	<b>6.182.589.914</b>	<b>21.772.345.356</b>
70	Tiền cuối kỳ	5.1	<b>9.160.583.134</b>	<b>16.780.850.730</b>

*Phạm Uyên Vy*

Phạm Uyên Vy  
Người lập

*Nguyễn Thị Anh Tú*

Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng



*Tô Quốc Tuấn*  
Tô Quốc Tuấn  
Giám đốc Tài chính và Kế toán  
(Công ty mẹ)  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 14 tháng 8 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT**

**Mẫu số B05a – CTQ**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG**

Chi tiêu	Thuyết minh	Tại ngày		Trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2022		Trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2023		Tại ngày	
		1.1.2022	1.1.2023	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	30.6.2022	30.06.2023
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.7, 5.8	125.000.000.000	125.000.000.000	-	-	-	-	125.000.000.000	125.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5.8	1.755.891.311	1.755.891.311	-	-	-	-	1.755.891.311	1.755.891.311
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.8	1.755.891.311	1.755.891.311	-	-	-	-	1.755.891.311	1.755.891.311
Lợi nhuận chưa phân phối	5.8	100.855.457.778	115.843.717.338	15.170.141.327	-	5.012.574.874	-	116.025.599.105	120.856.292.212
		<b>229.367.240.400</b>	<b>244.355.499.960</b>	<b>15.170.141.327</b>	<b>-</b>	<b>5.012.574.874</b>	<b>-</b>	<b>244.537.381.727</b>	<b>249.368.074.834</b>

*Phạm Uyên Vy*

Phạm Uyên Vy  
Người lập

*Nguyễn Thị Anh Tú*

Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng



*Trần Quốc Tuấn*

Trần Quốc Tuấn  
Giám đốc Tài chính và Kế toán  
(Công ty mẹ)  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (“Công ty”) (tên trước đây là “Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc”), là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 15/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK cấp ngày 27 tháng 5 năm 2021. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 4103005793 vào ngày 28 tháng 12 năm 2006. Ngày 13 tháng 10 năm 2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ nhất) để đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp thành 0304756863 vào ngày 13 tháng 10 năm 2022.

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (“TVS”). Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 5.7.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 13 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 15 nhân viên).

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT**

Mẫu số B09a – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SAU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**

Tại ngày báo cáo, Công ty có 1 công ty con trực tiếp như sau.

STT	Tên	Địa điểm	Hoạt động chính	30.6.2023		31.12.2022	
				Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
1	Công ty Cổ phần Finsight	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ tài chính, dịch vụ công nghệ thông tin, nghiên cứu thị trường	91,37	91,37	91,37	91,37

Tại ngày báo cáo, Công ty có 1 bên liên quan là công ty con của Finsight như sau.

STT	Tên	Địa điểm	Hoạt động chính	30.6.2023		31.12.2022	
				Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của TVAM %	Tỷ lệ quyền sở hữu của Finsight %	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của TVAM %	Tỷ lệ quyền sở hữu của Finsight %
1	Công ty Cổ phần Camellia Wealth (*)	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ tư vấn quản lý	35,50	49,00	-	-

Tại ngày báo cáo, Công ty đang quản lý các quỹ đầu tư sau:

Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký	Giá trị tài sản ròng tại	
		Vốn điều lệ VND	ngày 30.6.2023 VND
Quỹ Đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 3	01/2021/GCNCCQ-VSD cấp ngày 17 tháng 9 năm 2021	199.008.000.000	182.410.337.183
Quỹ Đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 4	01/2022/GCNCCQ-VSD cấp ngày 28 tháng 7 năm 2022	200.600.000.000	188.349.498.307

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**2 NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là Đồng Việt Nam (“Đồng” hoặc “VND”).

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư 125/2011/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Công ty kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

**3.2 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư có kỳ đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**4.2 Các khoản đầu tư**

**Đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư ngắn hạn là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được nắm giữ chủ yếu cho mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư và được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.3 Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tới ngày đến hạn thu hồi.

**4.4 Tài sản cố định (“TSCĐ”)**

*TSCĐ hữu hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ kế toán.

*Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị 3 năm

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**4.5 Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**4.7 Nợ phải trả**

Các khoản phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

**4.8 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

**4.9 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.10 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

**4.11 Phân chia lợi nhuận**

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty trích lập các quỹ sau:

**Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:**

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, Thông tư 114/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban ngày 17 tháng 12 năm 2021 chính thức có hiệu lực, theo đó:

- Chế độ tài chính đối với công ty quản lý quỹ theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 được bãi bỏ toàn bộ.
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ theo Luật Chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ hoạt động của Công ty.
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn, và Điều lệ hoạt động của Công ty, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định.

Trước ngày 1 tháng 2 năm 2022:

- Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, công ty quản lý quỹ phải trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế TNDN cho mỗi quỹ vào mỗi năm có lợi nhuận cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ.
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm, sử dụng quỹ bảo vệ nhà đầu tư và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trích lập để bổ sung vốn điều lệ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.12 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ khác**

Doanh thu hoạt động nghiệp vụ bao gồm doanh thu phát sinh trong kỳ từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý công ty đầu tư chứng khoán, doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư, thu phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán, thu phí thường hoạt động do quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và các nhà đầu tư thường cho Công ty.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*(i) Doanh thu từ hoạt động quản lý đầu tư*

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

*(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư*

Doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**(b) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**(c) Thu nhập từ cổ tức/lợi nhuận được chia**

Thu nhập từ cổ tức/lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức/lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.13 Chi phí hoạt động kinh doanh**

Chi phí hoạt động kinh doanh được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Chi phí hoạt động kinh doanh là các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến hoạt động nghiệp vụ của Công ty, chủ yếu bao gồm chi phí nhân viên, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí vật tư, đồ dùng văn phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý khác.

**4.14 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

**4.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

**4.16 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương thức công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.17 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám Đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**4.18 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

**4.19 Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ không được thể hiện trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY  
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại ngày	
	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Tiền mặt	74.983.160	49.357.179
Tiền gửi ngân hàng	2.085.599.974	2.133.232.735
Các khoản tương đương tiền	7.000.000.000	4.000.000.000
	<u>9.160.583.134</u>	<u>6.182.589.914</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT**

**Mẫu số B09a – CTQ**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**(a) Đầu tư ngắn hạn**

	Tại ngày 30.6.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Chứng chỉ quỹ niêm yết</b>				
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 3 (ii)	13.125.000.000	20.875.000.000	13.125.000.000	21.000.000.000
<b>Trái phiếu niêm yết</b>				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup - VIC121004 (i)	20.685.000.000	20.685.000.000	20.685.000.000	20.271.300.000 (413.700.000)
<b>Cổ phần công ty</b>				
Công ty Cổ phần Finhay Việt Nam	36.736.781.320	(*)	36.736.781.320	(*)
	<u>70.546.781.320</u>		<u>70.546.781.320</u>	<u>(413.700.000)</u>

(i) Giá trị hợp lý của trái phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá đóng cửa của trái phiếu trên sàn giao dịch trái phiếu tại ngày giao dịch gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

(ii) Giá trị hợp lý của chứng chỉ quỹ niêm yết được xác định dựa trên giá đóng cửa của chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT**

Mẫu số B09a – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Đầu tư vào công ty con**

	Tại ngày 30.6.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Finsight (i)	164.800.000.000	(*)	164.800.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Camellia Wealth (ii)	1.775.000.000	(*)	-	(*)
	<u>166.575.000.000</u>		<u>164.800.000.000</u>	

(i) Đây là khoản đầu tư vào 91,37% phần vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần Finsight, một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316449345 thay đổi gần nhất (lần thứ 3) do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 3 năm 2023.

(ii) Đây là khoản đầu tư vào 35,5% phần vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần Camellia Wealth, một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 0317657066 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 1 năm 2023.

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY  
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Tại ngày	
	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Công ty Cổ Phần Phần Mềm Bravo	221.700.000	-
Cty TNHH SX TM DV Tầm Nhìn Chiến Lược	31.927.500	31.927.500
	<u>253.627.500</u>	<u>31.927.500</u>

**5.4 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ**

	Tại ngày	
	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục	9.720.867.262	11.109.074.162

**5.5 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Biến động về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Tại ngày 30.6.2023 VND
Thuế TNDN	2.312.733.114	1.268.143.717	(3.012.733.112)	568.143.719
Thuế thu nhập cá nhân	423.856.496	463.457.290	(813.443.074)	73.870.712
Khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	<u>2.736.589.610</u>	<u>1.734.601.007</u>	<u>(3.829.176.186)</u>	<u>642.014.431</u>

**5.6 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm tiền lương và thưởng phải trả cho người lao động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY  
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.7 VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông**

	Tại ngày	
	30.6.2023 Cổ phiếu phổ thông	31.12.2022 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành	12.500.000	12.500.000

**(b) Chi tiết và tình hình biến động của vốn cổ phần**

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

Tất cả các cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông, đều có các quyền giống nhau về quyền biểu quyết, hưởng cổ tức, hoàn vốn, hay các quyền khác.

Chi tiết cổ đông và tỷ lệ sở hữu (%) tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	30.6.2023			31.12.2022		
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đã góp VND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đã góp VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	12.480.000	99,84	124.800.000.000	12.480.000	99,84	124.800.000.000
Trần Vinh Quang	10.000	0,08	100.000.000	10.000	0,08	100.000.000
Lê Quang Tiến	10.000	0,08	100.000.000	10.000	0,08	100.000.000
	<u>12.500.000</u>	<u>100,00</u>	<u>125.000.000.000</u>	<u>12.500.000</u>	<u>100,00</u>	<u>125.000.000.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT**

**Mẫu số B09a – CTQ**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.8 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	100.855.457.778	<b>229.367.240.400</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	20.031.032.449	<b>20.031.032.449</b>
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	(5.042.772.889)	<b>(5.042.772.889)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	115.843.717.338	<b>244.355.499.960</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	5.012.574.874	<b>5.012.574.874</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	120.856.292.212	<b>249.368.074.834</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 3003/2022/NQ-ĐHCD ngày 30 tháng 3 năm 2022, Công ty đã thông qua phương án trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi tương ứng số tiền 5.042.772.889 Đồng từ nguồn LSNT chưa phân phối đến cuối năm 2021.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY  
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.9 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**(a) Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác**

	Tại ngày	
	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
<b>Nhà đầu tư ủy thác trong nước</b>		
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>535.824.405.895</b>	<b>589.537.965.289</b>
Cổ phiếu niêm yết bị suy giảm giá trị	181.247.247.609	505.540.611.141
DXS	54.611.506.292	38.433.989.721
PVP	42.999.141.686	39.515.541.433
VRE	41.598.865.000	-
VPB	30.870.176.714	61.339.162.072
DPR	11.167.557.917	19.345.362.154
ACB	-	36.455.223.153
HPG	-	72.017.016.261
Các mã chứng khoán khác	-	238.434.316.347
Cổ phiếu niêm yết không bị suy giảm giá trị	354.577.158.286	83.997.354.148
<b>Cổ phiếu không niêm yết</b>	<b>53.858.333.552</b>	<b>43.741.293.544</b>
<b>Chứng chỉ quỹ niêm yết</b>	<b>172.474.223.562</b>	<b>303.554.448.352</b>
Chứng chỉ quỹ niêm yết bị suy giảm giá trị	63.474.223.562	194.554.448.352
FUSSVFL	33.109.361.055	46.665.295.151
FUSSV50	15.888.935.839	21.536.445.836
FUSSV30	14.475.926.668	20.059.313.292
FUEVN100	-	42.526.152.280
FUEMAV30	-	31.487.828.219
FUEVFNND	-	22.030.521.400
Chứng chỉ quỹ khác	-	10.248.892.174
Chứng chỉ quỹ niêm yết không bị suy giảm giá trị	109.000.000.000	109.000.000.000
<b>Chứng chỉ quỹ không niêm yết</b>	<b>143.600.853.675</b>	<b>239.130.093.103</b>
<b>Trái phiếu niêm yết</b>	<b>478.237.416.359</b>	<b>433.212.086.266</b>
<b>Trái phiếu không niêm yết (*)</b>	<b>2.785.499.288.701</b>	<b>3.976.880.406.495</b>
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>1.017.893.136.328</b>	<b>567.821.360.871</b>
<b>Hợp đồng tiền gửi</b>	<b>2.676.823.714.261</b>	<b>626.969.178.084</b>
	<b>7.864.211.372.333</b>	<b>6.780.846.832.004</b>
<b>Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài</b>		
<b>Cổ phiếu không niêm yết</b>	<b>2.996.214.035</b>	<b>2.996.214.035</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY  
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.9 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**(a) Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (tiếp theo)**

(\*) Chi tiết số dư danh mục đầu tư trái phiếu doanh nghiệp có rủi ro của các nhà đầu tư ủy thác trong nước như sau:

	Tại ngày	
	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết	56,773,048,435	287,296,500,343

Các nhà đầu tư ủy thác có các mô hình định giá khác nhau và giá trị hợp lý của các trái phiếu này theo các mô hình định giá đó có thể khác nhau.

**(b) Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác**

	Tại ngày	
	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND (Trình bày lại)
Phải thu lãi tiền gửi, lãi dự thu từ chứng khoán kinh doanh	218.669.193.597	225.468.847.269
Phải thu bán chứng khoán	8.467.369.840	7.703.630.680
Phải thu cổ tức	1.371.600.000	1.378.899.000
Phải thu khác, tài sản khác	1.129.852.166	65.068.492
	<u>229.638.015.603</u>	<u>234.616.445.441</u>

**(c) Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác**

	Tại ngày	
	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Phải trả tiền mua chứng khoán	9.835.720.000	6.813.950.000
Phải trả phí quản lý danh mục	9.720.867.262	11.119.939.026
Phải trả phí khác	11.854.235.053	194.174.190
	<u>31.410.822.315</u>	<u>18.128.063.216</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY  
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.10 DOANH THU VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2023 VND	30.6.2022 VND
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục và ủy thác đầu tư	9.214.423.979	10.952.999.535
- Bên thứ ba	5.549.648.058	8.331.382.479
- Các bên liên quan (Thuyết minh 7(a))	3.664.775.921	2.621.617.056
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ (Thuyết minh 7(a))	1.983.568.841	1.510.524.256
Phí phát hành chứng chỉ quỹ (Thuyết minh 7(a))	-	2.006.000.000
	<u>11.197.992.820</u>	<u>14.469.523.791</u>

**5.11 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2023 VND	30.6.2022 VND
Chi phí nhân viên	4.382.857.250	3.007.805.119
Chi phí dịch vụ mua ngoài	478.239.786	1.240.489.923
Phí môi giới cho dịch vụ phát hành	-	650.000.000
Các chi phí khác	710.566.425	768.727.529
	<u>5.571.663.461</u>	<u>5.667.022.571</u>

**5.12 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2023 VND	30.6.2022 VND
Lãi nhận từ trái phiếu	1.196.471.492	-
Lãi tiền gửi	100.767.855	233.919.331
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	11.200.000.000
Chiết khấu thanh toán	-	690.410.959
Lãi từ đầu tư chứng khoán kinh doanh	-	83.692.052
	<u>1.297.239.347</u>	<u>12.208.022.342</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY  
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.13 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2023 VND	30.6.2022 VND
Hoàn nhập dự phòng đánh giá lại chứng khoán kinh doanh	(413.700.000)	-
Lỗ từ bán chứng khoán kinh doanh	-	969.934.317
	<u>(413.700.000)</u>	<u>969.934.317</u>

**5.14 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2023 VND	30.6.2022 VND
Chi phí nhân viên	824.349.128	909.050.115
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.129.383	4.502.901
Các chi phí khác	153.874.778	159.377.880
	<u>1.074.353.289</u>	<u>1.072.930.896</u>

**5.15 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)**

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2023 VND	30.6.2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.280.718.591	18.967.651.658
Thuế tính ở thuế suất 20%	1.256.143.717	3.793.530.331
Điều chỉnh: Chi phí không được khấu trừ	12.000.000	3.980.000
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>1.268.143.717</u>	<u>3.797.510.331</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:		
Thuế TNDN - hiện hành	1.268.143.717	3.797.510.331
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
	<u>1.268.143.717</u>	<u>3.797.510.331</u>

(\*) Chi phí thuế TNDN trong kỳ được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Công ty có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính ba gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Hội đồng Quản trị của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết ví dụ như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự quản lý rủi ro của Công ty. Nhân sự quản lý rủi ro đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Tổng Giám đốc xem xét.

**(a) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

*(i) Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Phần lớn các khoản tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, đầu tư trái phiếu, cho vay và đi vay của Công ty đều có lãi suất cố định.

*(ii) Rủi ro giá*

Rủi ro giá là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Công ty đầu tư vào trái phiếu niêm yết và chứng chỉ quỹ niêm yết mà giá trị của các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro biến động của giá thị trường trong tương lai. Công ty không chịu rủi ro về giá hàng hóa.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, nếu giá các trái phiếu niêm yết và chứng chỉ quỹ niêm yết tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 4.156.000.000 Đồng tương ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4.127.130.000 Đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này chủ yếu phát sinh từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư trái phiếu và các khoản phải thu.

Tổng Giám đốc liên tục theo dõi rủi ro mất khả năng chi trả của khách hàng và các đối tác khác, bao gồm cá nhân và tổ chức, và kết hợp thông tin này với việc quản lý rủi ro tín dụng. Công ty có chính sách là chỉ giao dịch với các đối tác tin cậy.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác.

*(i) Số dư với tổ chức tín dụng*

Số dư với tổ chức tín dụng (ngân hàng và công ty tài chính) bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và lãi dự thu.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Tổng Giám đốc tín nhiệm. Số dư với các tổ chức tín dụng được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận kinh doanh nguồn vốn theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến số dư với các tổ chức tín dụng là thấp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có số dư nào với các tổ chức tín dụng nào bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

*(ii) Trái phiếu*

Trái phiếu thuộc danh mục đầu tư tài chính của Công ty là các trái phiếu được phát hành bởi tổ chức có phương án phát hành được phê duyệt bởi UBCKNN. Các đề xuất đầu tư vào các trái phiếu này được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Công ty.

Danh mục đầu tư vào trái phiếu được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận kinh doanh nguồn vốn và báo cáo định kỳ cho Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các trái phiếu của Công ty là thấp.

*(iii) Các khoản phải thu*

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tín nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây liệt kê các khoản nợ tài chính của Công ty theo dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn dưới 1 năm.

	Tại ngày	
	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Phải trả người bán ngắn hạn	-	9.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	70.000.000	85.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	15.594.000	-
	<u>85.594.000</u>	<u>94.000.000</u>

**(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính**

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, am hiểu và tự nguyện theo nguyên tắc giao dịch sòng phẳng ngang giá tại ngày định giá.

Đối với các khoản đầu tư tài chính, giá trị hợp lý đã được trình bày ở Thuyết minh 5.2. Ngoài ra, giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của chúng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**7 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thiên Việt	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Finsight	Công ty con
Công ty Cổ phần Camellia Wealth	Công ty con
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2	Quỹ do Công ty quản lý
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 3	Quỹ do Công ty quản lý
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 4	Quỹ do Công ty quản lý

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ bao gồm:

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2023</b>	<b>30.6.2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục và ủy thác đầu tư (Thuyết minh 5.10)</b>		
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thiên Việt	3.140.473.908	2.088.723.420
Công ty Cổ phần Finsight	524.302.013	532.893.636
	<u>3.664.775.921</u>	<u>2.621.617.056</u>
<b>Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ (Thuyết minh 5.10)</b>		
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 4	1.009.526.555	-
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 3	974.042.286	1.134.970.962
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 2	-	375.553.294
	<u>1.983.568.841</u>	<u>1.510.524.256</u>
<b>Phí phát hành chứng chỉ quỹ (Thuyết minh 5.10)</b>		
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 4	-	2.006.000.000
	<u>-</u>	<u>2.006.000.000</u>
<b>Phí lưu ký</b>		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	2.285.849	1.309.500
	<u>2.285.849</u>	<u>1.309.500</u>
<b>Doanh thu hoạt động tài chính (Thuyết minh 5.12)</b>		
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2	-	11.200.000.000
	<u>-</u>	<u>11.200.000.000</u>
<b>Các khoản chi cho nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	672.600.000	666.600.000
	<u>672.600.000</u>	<u>666.600.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**7 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan**

	Tại ngày	
	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
<b>Đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 5.2(a))</b>		
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 3	13.125.000.000	13.125.000.000
<b>Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 5.2(b))</b>		
Công ty Cổ Phần Finsight	164.800.000.000	164.800.000.000
Công ty Cổ phần Camellia Wealth	1.775.000.000	-
	<u>166.575.000.000</u>	<u>164.800.000.000</u>

**8 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày	
	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Dưới 1 năm	630.694.680	630.694.680
Từ 1 đến 5 năm	210.231.560	525.578.900
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>840.926.240</u>	<u>1.156.273.580</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

**8 TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Một số dữ liệu tương ứng của năm trước đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ này:

Mã số	Chỉ tiêu	Tại ngày 31.12.2022		
		Số liệu báo cáo trước đây VND	Các điều chỉnh VND	Số liệu trình bày lại VND
<b>040</b>	<b>Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác</b>			
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	6.336.427.046.038	444.419.785.966	6.780.846.832.004
042	Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	2.996.214.035	2.996.214.035
<b>050</b>	<b>Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>661.616.445.441</b>	<b>(427.000.000.000)</b>	<b>234.616.445.441</b>

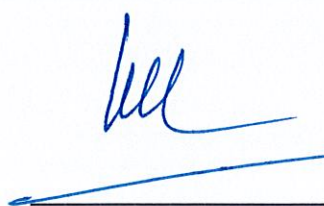
**9 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được Tổng Giám Đốc phê chuẩn để phát hành vào ngày 14 tháng 8 năm 2023.




Phạm Uyên Vy  
Người lập



Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng



  
Tô Quốc Tuấn  
Giám đốc Tài chính và Kế toán  
(Công ty mẹ)  
Chữ ký được ủy quyền